

Bài tập lấy điểm giữa kỳ

Môn: Lập trình Python nâng cao

Phần 1 (1đ): Trắc nghiệm

1. Which one below is correct syntax for Tuple?
 - A. bubbleTea = (Original, small, 3.99)
 - B. bubbleTea = {Original, small, 3.99}
 - C. bubbleTea = ('Original', 'small', 3.99)
 - D. bubbleTea = ['Original', 'small', 3.99]
2. Which one below is correct syntax for Set?
 - A. bubbleTea = (Original, small, 3.99)
 - B. bubbleTea = {Original, small, 3.99}
 - C. bubbleTea = ('Original', 'small', 3.99)
 - D. bubbleTea = ['Original', 'small', 3.99]
3. Which one below is correct syntax for List?
 - A. bubbleTea = (Original, small, 3.99)
 - B. bubbleTea = {Original, small, 3.99}
 - C. bubbleTea = ('Original', 'small', 3.99)
 - D. bubbleTea = ['Original', 'small', 3.99]
4. Which one below is a correct dictionary?
 - A. age = {'Mary': 10, 'Sanjay': 8}
 - B. age = ('Mary': 10, 'Sanjay': 8)
 - C. age = {'Mary', 10: 'Sanjay', 8}
 - D. age = {'Mary', '10': 'Sanjay', '8'}

Phần 2 (9đ):

Câu 1: Sinh viên hãy liệt kê các bài Lab đã tự mình thực hiện; số bài lab có tham khảo để thực hiện; các bài lab chưa thực hiện; liệt kê các nội dung mới mà sinh viên tự tìm hiểu trong quá trình thực hành, nội dung đó ở Lab nào và đoạn nào trong **github**?

Lưu ý: Bài lab chỉ copy và commit không được phép liệt kê.

Câu 2: Hãy trình bày nội dung mà sinh viên thực hiện trong bài tập nhóm, viết lại đoạn code không quá 10 dòng (có mô tả ý nghĩa) mà sinh viên đã làm.

Câu 3: Sinh viên chọn một trong các nội dung sau để trình bày:

- a. OOP là gì? Cho ví dụ minh họa.
- b. Flask/Django là gì, ví dụ minh họa.
- c. Heroku là gì, minh họa đường dẫn app heroku do mình deploy lên.

Câu 4: Sinh viên viết một đoạn script nhập vào một chuỗi là mã số sinh viên của mình, và thực hiện các công việc sau:

Phát sinh ngẫu nhiên mảng gồm **N** số nguyên, trong đó, các phần tử tại các vị trí ứng với lần lượt với ba số cuối của mã số sinh viên được phải là số âm (lưu ý, để đơn giản, sinh viên sẽ kiểm tra, nếu giá trị các vị trí đó dương thì nhân cho -1). **N là hai số nguyên sau cùng của mã số sinh viên.**

Thí dụ: MSVV = 187IT12**786**

- **N = 86**
- Các vị trí cần kiểm tra để đảm bảo là số âm gồm, vị trí số **7**, vị trí số **8** và vị trí số **6**.